TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 - 2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Liêu Bích Nga

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1A, xã M, huyện N, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/6/2019. Sau khi làm thủ tục kết hôn, ngày 08/6/2019, anh B về Hàn Quốc giữa chị và anh B không có chung sống với nhau. Từ khi anh B về Hàn Quốc đến nay anh B không sang Việt Nam thăm chị nữa. Cuối tháng 6 năm 2019 đến nay anh B cắt liên lạc với chị. Trong khoảng thời gian còn liên lạc với nhau, chị A có yêu cầu anh B làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hàn Quốc nhưng anh B không làm và anh B nói với chị A sẽ là thủ tục ly hôn. Nay chị xác định hôn nhân giữa chị và anh B đã lâm vào tình trạng không thể chung sống với nhau được, anh B không sang Việt Nam nữa còn chị thì không thể sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ được. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị xác định không và không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại Giấy ủy quyền, Đơn đồng ý cùng ngày 12/8/2020 và Đơn xin ly hôn vắng mặt ngày 09/11/2020, bị đơn anh B xác định: Anh và chị A có đăng ký kết hôn tại Việt Nam. Sau khi kết hôn do bất đồng ngôn ngữ và quan điểm sống đồng thời do anh B không có điều kiện để bảo lãnh chị A sang Hàn Quốc nên nay chị A xin ly hôn thì anh đồng ý. Ngoài ra, anh B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh do anh không có điều kiện về Việt Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, căn cứ các Điều 56, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị A được ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh B có quốc tịch Hàn Quốc và đang cư trú tại địa chỉ: Korea, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, chị A nộp đầy đủ các văn bản ghi nhận ý kiến của anh B được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, nên Tòa án không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh B theo quy định của pháp luật. Do anh B có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

[4] Đối với nguyên đơn chị A, ngày 04/12/2020 chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A. Do vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 17/6/2019, thì có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị A và anh B có sơ sở xác định, sau khi kết hôn anh chị không chung sống với nhau. Anh B không làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ, nay anh chị xác định do bất đồng ngôn ngữ và mỗi người ở một nơi không thể đoàn tụ được, nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", theo đó thì giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi. Do đó, căn cứ các Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[6] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh B; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều, 273, 280, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A đối với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A thống nhất xác định không có, không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng, chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0014922 ngày 05 tháng 10 năm 2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện N;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt